

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-PT

Ngày 16-5-2020

V/v tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh
doanh thương mại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Chính

Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 và ngày 16 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2020, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 829/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2020/QĐPT-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CTTC I – Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam (sau đây viết tắt là ALCI); địa chỉ trụ sở: Số 4 PNT, quận DD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thanh Sơn, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty CTTC I – thành phố Hải Phòng (ALCI HP), cư trú tại: Số 24/440 đường CH, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền số 66/QLCI-KD ngày 25/02/2019 của ALCI); ông Sơn có mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/5/2020.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần CN&TM CA (sau đây viết là Công ty CA); địa chỉ trụ sở: Phòng P1406 – 17T8 khu đô thị mới TH-NC, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Hồng Vũ; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty); cư trú tại: P 3228-HH3C, khu đô thị LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần CN&TM CA – bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tàu biển PH 10- ALCI được ALCI mua của Công ty Cổ phần ĐD, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006902 ngày 27/10/2008 với giá 32.950.000.000 đồng. Sau đó ALCI và Công ty TNHH VTB HN ký Hợp đồng cho thuê tài chính số 173/2007/ALCI ngày 26/9/2007, tài sản cho thuê là 02 tàu biển trong đó có tàu PH 10- ALCI. Chi nhánh Hải Phòng đã nhận bàn giao dư nợ và quản lý dư nợ của Công ty TNHH VTB Hoàng Ngọc từ tháng 01/2010 và thực hiện việc thu hồi tàu PH 10- ALCI theo Quyết định thu hồi tài sản số 412/QĐTH-AL CIHP ngày 25/08/2010 của Giám đốc Chi nhánh Công ty CTTC I-TP Hải Phòng. Dư nợ thuê đến ngày thu hồi đối với tàu PH 10- ALCI là 20.432.432.448 đồng. Tại chứng thư thẩm định giá số 0170059/HPG ngày 12/11/2010 của Công ty Cổ phần Giám định-Thẩm định Việt Nam xác định giá trị của tàu PH 10- ALCI tại thời điểm tháng 11/2010 là 19.345.000.000đồng.

Ngày 30/11/2010, ALCI HP cho thuê tài chính lại tàu PH 10- ALCI đối với Công ty CA theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 20/CTTCIHP-HĐ-2010 (sau đây viết là Hợp đồng):

- Tài sản thuê tài chính là 01 tàu biển chở hàng khô, cấp hạn chế III, trọng tải 3.098 tấn mang tên “PH 10- ALCI”.

- Giá trị tài sản thuê là 20.432.492.488 đồng.

- Mục đích sử dụng tài sản thuê để phục vụ cho hoạt động kinh doanh hợp pháp của Công ty CA.

- Lãi suất cho thuê được điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất cụ thể tại thời điểm điều chỉnh thực hiện theo thông báo của ALCI. Tại thời điểm nhận nợ ngày 30/11/2010 mức lãi suất là 15,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với số nợ gốc quá hạn.

Hợp đồng cho thuê tài chính tàu PH 10- ALCI (Ngày 29/01/2011 đổi tên thành tàu HH 79- ALCI) đã quy định:

Công ty CA cam kết thanh toán tiền thuê cho ALCI HP đầy đủ, đúng hạn theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại Phụ lục Hợp đồng. ALCI HP có quyền chấm dứt Hợp đồng trước hạn khi Công ty CA vi phạm: Không trả tiền thuê theo quy định cho Hợp đồng, vi phạm các điều khoản của Hợp đồng,... ALCI HP có quyền thu hồi ngay lập tức tài sản cho thuê và yêu cầu Công ty CA thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo Hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty CA đã không trả tiền thuê theo quy định trong Hợp đồng (lý do đưa ra là kinh doanh tàu biển rất khó khăn). Cụ thể: Ngày 20/09/2011 tiền lãi quá hạn 600.000.000 đồng, ngày 20/12/2011 tiền lãi tiếp theo bị quá hạn 600.000.000 đồng; đến ngày 30/11/2011 tổng số tiền lãi quá hạn chưa trả là 1.200.000.000 đồng. Ngày 01/03/2012 ALCI HP đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ số tiền lãi quá hạn này để tạo điều kiện cho Công ty CA khắc phục khó khăn, tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới để trả nợ.

Tuy nhiên Công ty CA vẫn không trả số tiền nợ lãi đã quá hạn 1.200.000.000 đồng nêu trên mà còn phát sinh nợ quá hạn tiếp theo vào các thời điểm: Ngày 20/12/2012 số tiền 750.000.000 đồng (nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 450.000.000 đồng); ngày 20/03/2013 số tiền 1.268.733.191 đồng (nợ gốc 576.696.905 đồng, nợ lãi 692.036.286 đồng); ngày 20/06/2013 số tiền 1.268.733.191 đồng (nợ gốc 576.696.905 đồng, nợ lãi 692.036.286 đồng); ngày 20/09/2013 số tiền 1.268.733.191 đồng (nợ gốc 576.696.905 đồng, nợ lãi 692.036.286 đồng). Tổng số nợ quá hạn chưa trả tại thời điểm tháng 10 năm 2013 là 6.710.690.523 đồng (nợ gốc 1.629.393.810 đồng, nợ lãi 5.081.296.713 đồng).

Tại Biên bản làm việc ngày 17/10/2013 Công ty CA cam kết đến 31/12/2013 trả 750.000.000 đồng (mỗi tháng trả 250.000.000 đồng). Nhưng thực tế không trả nợ đầy đủ số tiền cam kết này; tại thời điểm 13/12/2013 Hợp đồng có nợ quá hạn 6.857.351.612 đồng (bao gồm nợ gốc quá hạn 1.519.340.715 đồng, nợ lãi quá hạn 5.338.010.897 đồng).

Vì vậy, ALCI HP đã ra Thông báo số 608/TB- ALCIHP- KD ngày 13/12/2013 chấm dứt Hợp đồng trước hạn và yêu cầu thanh toán ngay số tiền còn lại đối với Hợp đồng. Đồng thời ngày 13/12/2013 ALCI HP đã ký phát giấy yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê tài chính số 609/ALCI HP - KD đối với tàu HH 79-ALCI.

Ngày 03/3/2014 ALCI HP đã thu hồi tàu HH 79- ALCI tại khu neo tàu của Công ty Cổ phần cơ khí TM & XD Hải Phòng ở thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, Hải Phòng.

Trình tự các bước thu hồi và xử lý tàu HH 79- ALCI, ALCI HP đã thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT- NHNN- BCA- BTP ngày 10/12/2007 giữa Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản của công ty cho thuê tài chính. Cụ thể:

- Ngày 05/3/2014 ALCI HP cùng Công ty CA ký biên bản thống nhất phương án xử lý tàu HH 79- ALCI. Theo đó tàu được bán để thu bằng tiền hoặc cho bên thuê khác thuê tài chính lại; giá đưa ra xử lý tàu tham khảo từ giá trị thẩm định của cơ quan chức năng thẩm định giá; số tiền thu được từ việc xử lý tàu HH 79- ALCI dùng để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty CA đối với ALCI HP, nếu không đủ thì Công ty CA có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu.

- ALCI HP thuê Công ty Cổ phần Định giá và Bán đấu giá tài sản Nhân Thành thẩm định giá để làm căn cứ xử lý (bán hoặc cho thuê lại). Ngày 11/3/2014 Công ty Nhân Thành đã cấp chứng thư thẩm định giá số 90/2014/CT-NT là 17.123.000.000 đồng (*mười bảy tỷ một trăm hai mươi ba triệu đồng*).

- ALCI HP đã chào bán/cho thuê lại trên báo Nhân dân vào các ngày 07/3/2014 và 10/3/2014 theo hợp đồng số 173/QC-BND.

- Ngày 02/4/2014 ALCI HP đã thực hiện hợp đồng số 22/HĐ-BĐG bán đấu giá tàu HH 79- ALCI lần 1 với giá khởi điểm là 18.300.000.000 đồng (theo hướng có lợi cho Công ty CA). Ngày 08/4/2014 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng có Công văn số 53/TBBĐG-NV về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá. ALCI HP đã có Công văn số 215/ALCIHP-KD ngày 16/4/2014 thông báo cho Công ty CA về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá.

- Ngày 04/11/2014 ALCI HP đã thực hiện hợp đồng số 22/HĐ-BĐG (phụ lục số 01/PLHĐ-BĐG) bán đấu giá tàu HH 79- ALCI lần 2 với giá khởi điểm là 15.905.848.000 đồng (căn cứ chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Định giá và Bán đấu giá tài sản Nhân Thành số 848/2014/CT-NT đã cấp ngày 08/10/2014 là 15.905.848.000 đồng). Ngày 12/11/2014 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng có Công văn số 244A/TBBĐG-NV về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá. ALCI HP đã có Công văn số 592/ALCIHP-KD ngày 14/11/2014 thông báo cho Công ty CA về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá lần 2.

- Ngày 24/8/2015 ALCI HP đã thực hiện hợp đồng số 22/HĐ-BĐG (phụ lục số 02/PLHĐ-BĐG) bán đấu giá tàu HH 79- ALCI lần 3 với giá khởi điểm là 10.000.000.000 đồng (căn cứ chứng thư thẩm định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá Vinacontrol số 15P01TĐ0140 ngày 26/5/2015 là 9.300.000.000 đồng). Ngày 01/9/2015 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng có Công văn số 242/TTBĐG-NV về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá. ALCI HP đã có Công văn số 397/ALCIHP-KD ngày 04/9/2015 thông báo cho Công ty CA về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá lần 3.

- Trong quá trình từ 04/9/2015 đến 08/3/2016 ALCI HP vẫn chưa tìm được người có nhu cầu mua hoặc thuê lại tàu HH 79-ALCI, và chứng thư thẩm định giá số 15P01TĐ0140 ngày 26/5/2015 đã hết hiệu lực. Để tiếp tục xử lý tàu HH 79-

ALCI, ALCI HP đã đề nghị và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá Vinacontrol đã tái thẩm định giá tàu HH 79-ALCI và cấp chứng thư thẩm định giá số 16P01TD0140-02 ngày 17/3/2016 là 8.518.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2016 ALCI HP đã thực hiện hợp đồng số 22/HĐ-BĐG (phụ lục số 03/PLHĐ-BĐG) bán đấu giá tàu HH 79- ALCI lần 4 với giá khởi điểm là 9.500.000.000 đồng. Ngày 06/10/2016 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Hải phòng có Công văn số 338/TTBĐG-NV về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá. ALCI HP đã có Công văn số 486/TB-ALCIHP ngày 20/10/2016 thông báo cho Công ty CA về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá lần 4.

- Ngày 30/12/2016 ALCI HP đã xử lý xong tàu HH 79- ALCI bằng việc cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính đối với Công ty TNHH SX&TM CK TL, hợp đồng cho thuê số 02/2016/HĐ-ALCIHP, số tiền cho thuê là 12.300.000.000 đồng.

Sau khi cho thuê lại tàu HH 79- ALCI, ALCI HP đã có các văn bản số 03/ALCIHP-KD ngày 05/01/2017, số 21/ALCIHP-KD ngày 16/01/2017, số 26/ALCIHP-KD ngày 19/01/2017 thông báo cho Công ty CA về việc đã xử lý xong tàu HH 79- ALCI, và yêu cầu Công ty CA thanh toán số tiền còn thiếu sau khi xử lý xong tàu HH 79- ALCI tổng số tiền 20.060.615.683đồng, gồm nợ gốc 6.653.460.024 đồng, nợ lãi 13.407.155.659 đồng. Nhưng đến nay Công ty CA vẫn không trả số nợ trên cho ALCI.

Nay ALCI giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty CA phải hoàn trả cho ALCI số tiền là 22.432.442.041đ (*hai mươi hai tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bốn mươi một đồng*), tính đến hết ngày 15/10/2019, gồm:

+ Nợ gốc : 6.642.478.206 đồng.

+ Lãi trong hạn: 12.132.582.762 đồng.

+ Lãi quá hạn: 3.657.381.073 đồng.

Và khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số 20/CTTCIHP-HĐ-2010 ngày 30/11/2010, kể từ ngày 16/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc ký kết, thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Công ty CA đã bàn giao tài sản thuê là tàu HH 79- ALCI cho ALCI HP xử lý và được thông báo là ALCI HP đã cho thuê lại tàu với giá thuê là 12.300.000.000 đồng. Sau khi bàn giao tàu, các bên có lập biên bản thu hồi và xử

lý tài ngày 05/3/2014, chốt các khoản tiền gốc, lãi mà bị đơn còn nợ nguyên đơn và thời hạn, phương thức xử lý tài.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Tại thời điểm nguyên đơn thu lại tài, các bên chốt số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 24.364.660.738 đồng, trong đó nợ gốc: 18.091.626.681 đồng. Thời điểm đó, tài được định giá là: 17.123.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền hoàn thuế GTGT: 151.924.340 đồng, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 18.091.626.681 đồng - 17.123.000.000 đồng - 151.924.340 đồng = 868.626.618 đồng. Về số tiền lãi: Theo Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định thời gian xử lý tài không quá 60 ngày nên việc nguyên đơn xử lý tài quá 60 ngày thì nguyên đơn phải chịu trách nhiệm về việc tài bị giảm giá trị, bị đơn chỉ phải chịu lãi trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thu hồi tài, không phải chịu lãi kể từ thời điểm thu hồi tài đến thời điểm hiện nay như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu về nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn, đề nghị chỉ phải trả nguyên đơn số tiền gốc nói trên và không phải trả tiền lãi.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 11 Điều 20, Điều 61, điểm c khoản 1 Điều 62, điểm b khoản 2 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; khoản 1 Điều 1, khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính; khoản 1, khoản 6 Điều 1, điểm b khoản 9 Điều 1 của Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2001/NĐ-CP; điểm b khoản 16 Phần II Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 của Ngân hàng Nhà nước- Bộ Công an- Bộ Tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Buộc Công ty Cổ phần CN&TM CA phải trả cho Công ty CTTC I – Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam tổng số tiền 22.432.442.041 đồng; trong đó: Nợ gốc: 6.642.478.206 đồng; lãi trong hạn: 12.132.582.762 đồng; lãi quá hạn: 3.657.381.073 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo: Ngày 29/10/2019, bị đơn là Công ty Cổ phần CN&TM CA kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số

03/2019/KDTM-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân quận HA; xác định và công nhận cách tính nợ gốc sau khi nguyên đơn thu hồi lại tàu trừ đi giá trị định giá tàu thời điểm đó và thuế GTGT thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 115.972.629 đồng. Do khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã không căn cứ vào các chứng cứ, lời khai của bị đơn và các quy định của pháp luật; tính toán các số liệu sai trong bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đối với kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn không chấp nhận, bởi lẽ:

Về quy định 60 ngày phải xử lý xong tài sản thu hồi: Theo khoản 1 Điều 28 Nghị định 16/2001/NĐ-CP và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 đã quy định trong vòng 60 ngày phải xử lý xong tài sản cho thuê thu hồi nhưng cũng quy định việc giao cho Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn công ty cho thuê tài chính thu hồi và xử lý tài sản thuê. Theo khoản a điểm 10 mục II Thông tư 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 thì trong trường hợp không có thỏa thuận hoặc không xử lý tài sản theo thỏa thuận thì công ty cho thuê tài chính được xử lý theo một trong các hình thức là bán tài sản, cho bên thuê khác thuê tiếp. Tại biên bản làm việc số 20/2014/BBTH-XL ngày 05/3/2014, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất phương thức xử lý tài là trong vòng 60 ngày kể từ ngày nguyên đơn thu hồi tàu, nguyên đơn và bị đơn phối hợp tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua hoặc thuê lại tài chính. Nếu vượt quá 60 ngày vẫn chưa được xử lý thì nguyên đơn có quyền chủ động xử lý tài sản và thông báo cho bị đơn biết. Như vậy, sau 60 ngày kể từ ngày thu hồi tàu (ngày 03/3/2014) thì từ ngày 02/5/2014, nguyên đơn xem xét xử lý tài theo hình thức bán tàu hoặc cho bên khác thuê tiếp là có căn cứ. Đồng thời nguyên đơn vẫn đều thông báo cho bị đơn biết và đề nghị phối hợp khi không xử lý được nhưng bị đơn đều không đáp ứng.

Về việc xác định số tiền nợ chỉ còn 115.972.629 đồng: Việc bị đơn xác định lấy giá trị tài sản tại thời điểm thu hồi theo chứng thư thẩm định để giảm trừ số nợ gốc là không có căn cứ bởi theo quy định tại Điều 32 Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để chủ sở hữu xem xét, việc sử dụng kết quả thẩm định giá phải đúng mục đích ghi trong hợp đồng thẩm định. Mặt khác, tại Hợp đồng thẩm định giá số 90/2015/HĐ ĐG –NT và chứng thư thẩm định giá số 90/2014/CT-NT đều ghi rõ mục đích thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản làm cơ sở tham khảo cho việc xử lý tài sản thu hồi nợ. Tại biên bản làm việc ngày 05/3/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn cũng thể hiện nội dung việc thuê cơ quan thẩm định giá để xác định giá trị tàu là cơ sở để nguyên đơn tham khảo trong trường hợp bán hoặc cho thuê tài chính lại. Vì vậy, giá trị thẩm định giá ghi trong chứng thư không thể dùng để trừ nợ cho bị đơn mà chỉ có số tiền thu được thực tế từ việc xử lý tàu mới được dùng để trừ nợ cho bị đơn.

Đối với số tiền GTGT mà bị đơn đã xuất trả cho nguyên đơn: Theo thống nhất của các bên, đối với số tiền GTGT, nguyên đơn chuyển giao thuế GTGT khi bị đơn nộp tiền trả nợ. Khi thu hồi tàu HH 79-ALCI ngày 3/3/2014, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất, số thuế GTGT mà bị đơn phải điều chỉnh để chuyển giao trả lại nguyên đơn là 752.653.989 đồng và đề nghị nguyên đơn thay vì chuyển tiền trả cho bị đơn thì khấu trừ vào nghĩa vụ hợp đồng thuê tài chính. Ngày 29/5/2014, bị đơn đã xuất hóa đơn số tiền thuế GTGT là 752.653.989 đồng. Ngày 09/7/2014, nguyên đơn đã hạch toán tăng dư nợ phần thuế GTGT này đồng thời hạch toán thu nợ đúng số tiền này. Do đó, việc bị đơn đòi giảm tiếp số dư nợ gốc 752.653.989 đồng từ hóa đơn xuất trả thuế GTGT cho nguyên đơn là không có căn cứ và không đúng.

Về việc không được tính lãi từ khi thu hồi tàu, nguyên đơn không đồng ý bởi: Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung, dài hạn không phải hợp đồng thuê tài sản nên việc nguyên đơn thu giữ tài sản đảm bảo để xử lý thực hiện nghĩa vụ hợp đồng không phải việc trả lại tài sản thuê. Việc tính lãi không phụ thuộc vào việc tàu HH 79-ALCI đã được giao trả hay chưa, vì vậy, việc tiếp tục tính lãi của nguyên đơn sau khi thu hồi tàu trên số nợ gốc là có căn cứ theo các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lý do kháng cáo như nội dung đơn kháng cáo đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại biên bản thu hồi và xử lý tàu HH 79-ALCI ngày 05/3/2014 có nội dung: “Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên B và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi và xử lý tài sản cho thuê. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán các nghĩa vụ của tàu HH 79-ALCI. Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho bên B” thể hiện bên B đã thực hiện hết nghĩa vụ của mình nên không còn nợ bên A là nguyên đơn. Việc sửa chữa nội dung không đảm bảo nên không công nhận việc sửa chữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc kháng cáo của bị đơn: Bị kháng cáo cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được xem xét, giải quyết.

+ Đối với kháng cáo về cách tính nợ gốc: Bị đơn cho rằng giá trị tài sản tại thời điểm thu hồi theo chứng thư thẩm định giá được trừ vào số tiền nợ gốc (tức là $18.243.550.958 \text{ đồng} - 17.123.000.000 = 1.123.550.959 \text{ đồng}$) là không có căn cứ, bởi lẽ theo quy định tại Điều 32 Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để chủ sở hữu xem xét, việc sử dụng kết quả thẩm định giá phải đúng mục đích ghi trong hợp đồng thẩm định. Mặt khác, tại Hợp đồng thẩm định giá số 90/2015/HĐ ĐG –NT và chứng thư thẩm định giá số 90/2014/CT-NT đều ghi rõ mục đích thẩm định giá để xác định giá trị của tài sản làm cơ sở tham khảo cho việc xử lý tài sản thu hồi nợ. Tại biên bản làm việc ngày 05/3/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn cũng thể hiện nội dung việc thuê cơ quan thẩm định giá để xác định giá trị tàu là cơ sở để nguyên đơn tham khảo trong trường hợp bán hoặc cho thuê tài chính lại. Vì vậy, giá trị thẩm định giá ghi trong chứng thư không thể dùng để trừ nợ cho bị đơn mà chỉ có số tiền thu được thực tế từ việc xử lý tàu mới được dùng để trừ nợ cho bị đơn. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của bị đơn

+ Đối với kháng cáo về việc phải xử lý xong tài sản trong 60 ngày theo quy định của Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005, nếu không xử lý xong thì sẽ lấy giá theo chứng thư thẩm định giá để đối trừ công nợ giữa hai bên: Theo điểm b khoản 9 Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ chỉ quy định số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên thuê và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê, điều luật không quy định việc hết thời hạn 60 ngày mà không xử lý tài sản cho thuê thì sẽ lấy giá theo chứng thư thẩm định giá để đối trừ công nợ giữa hai bên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

+ Đối với kháng cáo về việc tính lãi trên số tiền thuê tàu còn nợ trong những ngày xử lý tài sản vượt quá 60 ngày: Theo quy định của Nghị định 65 thì trong thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày thu hồi tàu HH 79-ALCI (03/03/2014) thì ALCI HP phải xử lý xong tài sản cho thuê. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên thuê và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê. Việc kéo dài thời gian xử lý tàu từ 03/3/2014 đến ngày 30/12/2016 (ngày ALCI cho công ty Thắng Lợi thuê lại tàu) là không phải lỗi của bên Công ty CA. Trong khoảng thời gian này, công ty CA đã bị thu hồi lại tàu, không còn phương tiện để kinh doanh nên không phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ việc thuê tàu. Việc công ty ALCI trừ 11.249.997.600 đồng (giá trị tàu khi cho Thắng Lợi thuê lại) vào thời điểm ngày 30/12/2016 là không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn mà phải trừ vào thời điểm ngày thứ 60 (ngày 03/5/2014) kể từ ngày thu hồi tàu. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện các khoản chi phí ghi trong bảng kê do nguyên đơn nộp (trích ký cược, hoàn phí đấu giá, hoàn phí bảo hiểm...) đều phù hợp. Khoản nợ gốc được tính theo các phân kỳ trả nợ (vào ngày 20 của các tháng 3, 6, 9, 12), sau khi trừ đi các khoản chi phí khác thì giá trị còn lại phải đối trừ sau 60 ngày xử lý tàu, khoản lãi sẽ được tính lại thì tổng số tiền

bị đơn phải trả: 19.268.522.767 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6.642.478.206 đồng; Lãi trong hạn: 7.439.189.341 đồng; Lãi quá hạn: 5.186.855.220 đồng (chênh lệch giảm so với án sơ thẩm là 3.163.919.274 đồng). Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo và rút kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Phiên tòa ngày 16/5/2020 đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và đã có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[3] Về việc giao kết và thực hiện hợp đồng: Việc giao kết Hợp đồng và bản Bổ sung, sửa đổi Hợp đồng mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn cũng thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vì hoạt động kinh doanh của Công ty CA gặp khó khăn, kém hiệu quả nên việc nguyên đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn là phù hợp. Các bên đương sự không có ý kiến gì về việc giao kết và thực hiện Hợp đồng và vi phạm Hợp đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[4] Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản cho thuê đã được ALCI - HP thực hiện theo đúng hướng dẫn tại các khoản 4, 5, 6, 7 mục II của Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính.

[5] Đối với kháng cáo về việc xác định số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn sau khi xử lý tài sản cho thuê: Theo Biên bản thu hồi và xử lý tài sản HH 79-ALCI số 20/2014/BBTH-XL ngày 05/3/2014, các bên thống nhất số tiền nợ gốc là

18.243.550.958 đồng, giá trị thẩm định giá của tàu là cơ sở để tham khảo trong trường hợp bán hoặc cho thuê tài chính lại, và số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của Công ty CA và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tàu và xử lý tài sản cho thuê, nếu số tiền thu được không đủ thanh toán các nghĩa vụ, Công ty CA có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho ALCI - HP. Thỏa thuận này của các bên phù hợp với điểm a, điểm b khoản 16 của Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP. Theo các chứng từ về chi phí neo đậu, chi phí bảo vệ, chi phí bảo hiểm, chi phí thẩm định giá tàu mà nguyên đơn cung cấp, xác định tổng chi phí dùng để thu hồi và xử lý tàu Hà Hải 79-ALCI là 1.050.002.400 đồng. Như vậy, số tiền xử lý tài sản thuê dùng thu nợ gốc là: 12.300.000.000 đồng - 1.050.002.400 đồng = 11.249.997.600 đồng.

[6] Theo các Phiếu chuyển khoản số VU0076 ngày 30/12/2016, số LN0006 ngày 23/01/2017 và số LP0032 ngày 25/01/2017 xác định ALCI - HP thu nợ gốc quá hạn với tổng số tiền là 351.973.334 đồng. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận về điều chỉnh số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Phiếu chuyển khoản số NT0008 ngày 29/3/2017 thì Công ty CA còn nợ số tiền thuế giá trị gia tăng là 898.182 đồng. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay Công ty CA còn nợ ALCI - HP số tiền gốc là: 18.243.550.958 đồng - (11.249.997.600 đồng + 351.973.334 đồng) + 898.182 đồng = 6.642.478.206 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Việc bị đơn đề nghị xác định số tiền gốc còn lại là: 18.091.626.681 đồng trừ đi số tiền mà tàu được định giá 17.123.000.000 đồng và số tiền hoàn thuế GTGT còn 868.626.618 đồng thì bị đơn chỉ còn nợ số tiền 115.972.629 đồng là không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Biên bản thu hồi và xử lý tàu HH 79-ALCI số 20/2014/BBTH-XL ngày 05/3/2014 và các quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 32 Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để chủ sở hữu xem xét, việc sử dụng kết quả thẩm định giá phải đúng mục đích ghi trong hợp đồng thẩm định. Mặt khác, Hợp đồng thẩm định giá số 90/2014/HĐĐG-NT và chứng thư thẩm định giá số 90/2014/CT-NT đều ghi rõ: Mục đích thẩm định giá là xác định giá trị của tài sản làm cơ sở tham khảo cho việc xử lý tài sản thu hồi. Tại biên bản thu hồi và xử lý tàu số 20/2014/BBTH-XL ngày 05/03/2014 cũng nêu rõ:...nguyên đơn đã thuê cơ quan thẩm định giá để xác định giá trị của tàu HH 79-ALCI. Giá trị của tàu HH 79-ALCI là cơ sở để ALCI - HP tham khảo trong trường hợp bán hoặc cho thuê tài chính lại. Vì vậy, giá trị thẩm định giá ghi trong chứng thư không thể dùng để trừ nợ cho bị đơn được, mà chỉ có số tiền thu được thực tế từ việc xử lý tàu HH 79-ALCI mới được dùng để trừ nợ cho bị đơn. Việc đề nghị trừ số tiền thuế GTGT là 752.653.989 đồng vào số nợ gốc là không có căn cứ, nguyên đơn đã tính toán khoản tiền này vào cho bị đơn để được trừ vào khoản nợ gốc để xác định số tiền nợ gốc còn lại là 6.642.478.206 đồng nên không có căn cứ chấp nhận việc tiếp tục trừ số tiền này cho nguyên đơn.

[8] Mặt khác, tại phiên tòa bị đơn cho rằng tại Biên bản thu hồi và xử lý tàu Hà Hải 79-ALCI số 20/2014/BBTH-XL ngày 05/3/2014 hai bên đã thỏa thuận: “Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên B và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi và xử lý tài sản cho thuê. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán các nghĩa vụ của tàu HH 79-ALCI. Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho bên B”, bị đơn không thừa nhận việc biên bản này đã được sửa chữa thành: “Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho bên A” nhưng bị đơn không cung cấp được biên bản gốc để đối chiếu việc sửa chữa và cũng thừa nhận Biên bản do nguyên đơn cung cấp là đúng. Mặt khác, nếu theo ý kiến của bị đơn thì việc thỏa thuận này không rõ ràng nên phải căn cứ vào các quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 cụ thể: “Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, bên thuê có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho bên cho thuê”. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xác định lại số nợ gốc sau khi nguyên đơn thu hồi tài sản là không phù hợp với quy định của pháp luật như đã viện dẫn ở trên, nên không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc do thời gian xử lý tàu không quá 60 ngày nên không chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ một phần; bởi lẽ: Tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định: “*Sau khi thu hồi tài sản cho thuê, trong thời gian tối đa là 60 ngày, bên cho thuê phải xử lý xong tài sản cho thuê*”. Tại điểm a khoản 10 Thông tư 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và Bộ Tư pháp ban hành, quy định: “*Sau khi thu hồi tài sản cho thuê, trong thời gian tối đa 60 ngày, công ty cho thuê tài chính phải xử lý xong tài sản cho thuê theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp không có thỏa thuận hoặc không xử lý được tài sản theo thỏa thuận thì công ty cho thuê tài chính được xử lý tài sản cho thuê theo một trong các hình thức sau: Cho bên khác thuê tiếp...*”. Tại biên bản thu hồi và xử lý tàu ngày 05/3/2014, các bên cũng thỏa thuận về thời hạn và phương thức xử lý tàu như quy định tại Thông tư 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP. Như vậy việc xử lý tài sản thuê của nguyên đơn là phù hợp về thời hạn và phương thức theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đến khi trả hết nợ gốc.

[10] Tuy nhiên, sau khi xử lý xong tàu theo hình thức cho Công ty TL thuê tài chính, ALCI khấu trừ nợ với Công ty CA là đúng theo thỏa thuận trong Biên bản thỏa thuận ngày 5/3/2014 giữa hai bên. Nhưng ALCI lại trừ 11.249.997.600 đồng (giá trị tàu khi cho Công ty TL thuê lại) vào thời điểm ngày 30/12/2016 là không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Theo quy định của Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 thì trong thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày thu hồi tàu HH 79-ALCI (03/03/2014) thì ALCI phải xử lý xong tài sản cho thuê. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán khoản tiền còn thiếu của bên thuê

và các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản cho thuê. Thực tế, việc kéo dài thời gian xử lý tàu từ 03/3/2014 đến ngày 30/12/2016 (ngày ALCI cho Công ty TL thuê lại tàu) là không phải lỗi của bên Công ty CA. Trong khoảng thời gian này, Công ty CA đã bị thu hồi lại tàu, không còn phương tiện để kinh doanh nên không phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ việc thuê tàu. Việc ALCI trừ 11.249.997.600 đồng là giá trị tàu khi cho Công ty TL thuê lại vào thời điểm ngày 30/12/2016 là không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn mà phải trừ vào thời điểm ngày thứ 60 (ngày 03/5/2014) kể từ ngày thu hồi tàu.

[11] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện các khoản chi phí ghi trong bảng kê do nguyên đơn nộp (trích ký cược, hoàn phí đấu giá, hoàn phí bảo hiểm...) đều phù hợp. Khoản nợ gốc được tính theo các phân kỳ trả nợ vào ngày 20 của các tháng 3, 6, 9, 12, sau khi trừ đi các khoản chi phí khác thì giá trị còn lại phải đối trừ sau 60 ngày xử lý tàu, khoản lãi sẽ được tính lại như sau: *Khoản nợ lãi trước ngày 03/3/2014*, số tiền nợ gốc trong hạn còn 16.147.513.338 đồng, nợ gốc quá hạn còn 2.096.037.620 đồng; lãi trong hạn là 5.788.194.707 đồng, lãi quá hạn 248.215.072 đồng. *Từ ngày 03/3/2014 đến ngày 20/3/2014* (17 ngày), số tiền nợ gốc trong hạn còn 16.147.513.338 đồng, nợ gốc quá hạn còn 2.096.037.620 đồng; lãi suất (30 ngày) 1,083%; lãi trong hạn là 99.091.289 đồng, lãi quá hạn 19.295.074 đồng. *Từ ngày 20/3/2014 đến ngày 03/5/2014* (43 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 15.570.816.433 đồng, nợ gốc quá hạn còn 2.672.734.525 đồng; lãi suất (30 ngày) 1,083%; lãi trong hạn là 241.705.783 đồng, lãi quá hạn 62.233.287 đồng. *Từ ngày 03/5/2014 đến ngày 20/6/2014* (48 ngày); số tiền phải trả gốc 0 đồng, số tiền đã trả 11.249.997.600 (giá trị tàu cho thuê lại); số tiền nợ gốc trong hạn còn 6.993.553.358 đồng, nợ gốc quá hạn còn 0 đồng; lãi suất (30 ngày) 1,083%; lãi trong hạn là 121.184.296 đồng, lãi quá hạn 0 đồng. *Từ ngày 20/6/2014 đến ngày 20/9/2014* (92 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 6.416.856.453, nợ gốc quá hạn còn 0576.696.905 đồng; lãi suất (30 ngày) 1,042%; lãi trong hạn là 205.0480.509 đồng, lãi quá hạn 27.642.236 đồng. *Từ ngày 20/9/2014 đến ngày 20/12/2014* (91 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 5.840.159.548 đồng, nợ gốc quá hạn còn 1.153.393.810 đồng; lãi suất (30 ngày) 1,042%; lãi trong hạn là 184.591.870 đồng, lãi quá hạn 54.683.554 đồng. *Từ ngày 20/12/2014 đến ngày 20/3/2015* (90 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 5.263.462.643 đồng, nợ gốc quá hạn còn 1.730.090.715 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 157.903.879 đồng, lãi quá hạn 77.854.082 đồng. *Từ ngày 20/3/2015 đến ngày 20/6/2015* (92 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 4.686.765.738 đồng, nợ gốc quá hạn còn 2.306.787.620 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 143.727.483 đồng, lãi quá hạn 106.112.231 đồng. *Từ ngày 20/6/2015 đến ngày 20/9/2015* (92 ngày); số tiền phải trả gốc

576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 4.110.068.833 đồng, nợ gốc quá hạn còn 2.883.484.525 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 126.042.111 đồng, lãi quá hạn 132.640.288 đồng. *Từ ngày 20/9/2015 đến ngày 20/12/2015* (91 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 3.533.371.928 đồng, nợ gốc quá hạn còn 3.460.181.430 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 107.178.948 đồng, lãi quá hạn 157.438.255 đồng. *Từ ngày 20/12/2015 đến ngày 20/3/2016* (91 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 2.956.675.023 đồng, nợ gốc quá hạn còn 4.036.878.335 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 89.685.809 đồng, lãi quá hạn 183.677.964 đồng. *Từ ngày 20/3/2016 đến ngày 20/6/2016* (92 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 2.379.978.118 đồng, nợ gốc quá hạn còn 1.613.575.240 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 72.985.996 đồng, lãi quá hạn 212.224.461 đồng. *Từ ngày 20/6/2016 đến ngày 20/9/2016* (92 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 1.803.281.213 đồng, nợ gốc quá hạn còn 5.190.272.145 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 55.300.624 đồng, lãi quá hạn 238.752.519 đồng. *Từ ngày 20/9/2016 đến ngày 20/12/2016* (91 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 1.226.584.308 đồng, nợ gốc quá hạn còn 5.766.969.050 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 37.206.391 đồng, lãi quá hạn 262.397.092 đồng. *Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 30/12/2016* (10 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 340.093.334 đồng (trích ký cược); số tiền nợ gốc trong hạn còn 649.887.403 đồng, nợ gốc quá hạn còn 6.003.572.621 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 2.166.291 đồng, lãi quá hạn 30.017.863 đồng. *Từ ngày 30/12/2016 đến ngày 23/1/2017* (24 ngày); số tiền phải trả gốc 0 đồng, số tiền đã trả 2.000.000 đồng (hoàn phí đầu giá); số tiền nợ gốc trong hạn còn 649.887.403 đồng, nợ gốc quá hạn còn 6.001.572.621 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 5.199.099 đồng, lãi quá hạn 72.018.871 đồng. *Từ ngày 23/1/2017 đến ngày 25/1/2017* (2 ngày); số tiền phải trả gốc 0 đồng, số tiền đã trả 9.880.000 đồng (hoàn phí bảo hiểm); số tiền nợ gốc trong hạn còn 649.887.403 đồng, nợ gốc quá hạn còn 5.991.692.621 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 433.258 đồng, lãi quá hạn 5.991.693 đồng. *Từ ngày 25/1/2017 đến ngày 20/3/2017* (54 ngày); số tiền phải trả gốc 576.696.905 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 73.190.498 đồng, nợ gốc quá hạn còn 6.568.389.526 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 1.317.429 đồng, lãi quá hạn 177.346.517 đồng. *Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 29/3/2017* (9 ngày); số tiền phải trả gốc 0 đồng, số tiền đã trả -898.182 đồng (nợ tiền thuế GTGT); số tiền nợ gốc trong hạn còn 73.190.498 đồng, nợ gốc quá hạn còn 6.569.287.708 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 219.571 đồng, lãi quá hạn 29.561.795 đồng. *Từ ngày 29/3/2017 đến ngày 20/6/2017* (83 ngày); số tiền phải trả gốc 73.190.498 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 0 đồng, nợ gốc quá hạn còn 6.642.478.206

đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 0 đồng, lãi quá hạn 275.662.846 đồng. Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 15/10/2019 (847 ngày); số tiền phải trả gốc 0 đồng, số tiền đã trả 0 đồng; số tiền nợ gốc trong hạn còn 0 đồng, gốc quá hạn còn 6.642.478.206 đồng; lãi suất (30 ngày) 1%; lãi trong hạn là 0 đồng, lãi quá hạn 2.813.089.520 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả: 19.268.522.767 đồng (trong đó: Nợ gốc: 6.642.478.206 đồng, lãi trong hạn: 7.439.189.341 đồng, lãi quá hạn: 5.186.855.220 đồng).

[12] Theo tính toán trên thì số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn giảm so với Bản án sơ thẩm đã tính là 3.163.919.274 đồng. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

- Về án phí kinh doanh thương mại:

[13] Án phí kinh doanh sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, Công ty CA phải chịu 127.268.523 án phí sơ thẩm, làm tròn thành 127.268.523 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nên ALCI phải chịu số tiền 95.278.385 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.123.000 đồng theo Biên lai thu số 0005235 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, Hải Phòng. Còn lại phải nộp số tiền 63.155.385 đồng.

[14] Án phí kinh doanh phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 11 Điều 20, Điều 61, điểm c khoản 1 Điều 62, điểm b khoản 2 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; khoản 1 Điều 1, khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính; khoản 1, khoản 6 Điều 1, điểm b khoản 9 Điều 1 của Nghị định 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2001/NĐ-CP; điểm b khoản 16 Phần II Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 của Ngân hàng Nhà nước- Bộ Công an- Bộ Tư pháp hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Buộc Công ty CP CN&TM CA phải trả cho Công ty CTTC I - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam tổng số tiền 19.268.522.767 (*Mười chín tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy*) đồng (trong đó: Nợ gốc: 6.642.478.206 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.439.189.341 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.186.855.220 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí kinh doanh sơ thẩm:

Công ty CP CN&TM CA phải chịu 127.268.523 đồng án phí sơ thẩm.

Công ty CTTC I - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam phải chịu số tiền 95.278.385 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.123.000 đồng theo Biên lai thu số 0005235 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng. Số tiền Công ty CTTC I - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam còn lại phải nộp số tiền 63.155.385 đồng.

- Án phí kinh doanh phúc thẩm: Công ty CP CN&TM CA không phải nộp án phí phúc thẩm. Trả lại cho Công ty CP CN&TM CA số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005345 ngày 20/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HA nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận HA;
- TAND quận HA;
- Đương sự (đề thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà